

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án khu vực Kiến An tại Văn bản số 442/BQL ngày 10 tháng 8 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An (nay là phường Phù Liễn) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 554/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án khu vực Kiến An (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng (trước đây là phường Văn Đẩu và phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường công khai trên cổng thông tin điện tử quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn căn cứ thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực Kiến An và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NN&MT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Quân

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐƯỜNG NỐI ĐƯỜNG NGUYỄN LƯƠNG BẰNG VỚI
ĐƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG, QUẬN KIẾN AN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An (nay là phường Phù Liễn).
- Địa điểm thực hiện: phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực Kiến An (theo Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố).
- Địa chỉ: Số 02 Cao Toàn, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng.

1.2. Quy mô, công suất:

a) Diện tích:

- Khu vực 1: khoảng 3,58ha phục vụ xây dựng Dự án đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông theo Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông và Trích lục địa chính số 192/2023-TL tỷ lệ 1/500 của Trung tâm Kỹ thuật – Dữ liệu, Thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực 2: khoảng 22,23ha đất vùng phụ cận dọc 2 bên tuyến đường bổ sung thu hồi theo Văn bản số 739/UBND-KT,HT&ĐT ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn về việc xác định sơ bộ các thửa đất thuộc chỉ giới thu hồi của Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông.

b) Công suất:

- Xây dựng tuyến đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông dài khoảng 1.486,94m: (1) Đoạn 1: Từ đường Nguyễn Lương Bằng km(0+0,00m) đến km(1+280,85(m)) chiều dài 1.280,85(m), có mặt cắt lộ giới Bnền=15m: Bmặt=9(m) + Bhè=2x3(m). (2) Đoạn 2: Từ km(1+280,85(m)) đến đường Trần Nhân Tông km(1+486,94(m)) chiều dài 206,09(m), có mặt cắt lộ giới Bnền=13m: Bmặt=7(m) + Bhè=2x3(m).

- Di chuyển điện, trạm biến áp.

- Xây dựng hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: Hệ thống thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng; cây xanh; biển báo hiệu đường bộ theo quy chuẩn hiện hành.

- Thu hồi khoảng 22,23ha diện tích đất vùng phụ cận dọc 2 bên tuyến đường.

c) Nhóm dự án: nhóm B.

d) Tổng mức đầu tư: 408.018 triệu đồng (Bằng chữ: bốn trăm linh tám nghìn không trăm mười tám triệu đồng).

1.3. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án: (1) đối với khu vực 1: hoạt động thi công nền đường, mặt đường, hè đường; thi công hệ thống thoát nước; di chuyển điện, trạm biến áp; thi công hệ thống điện chiếu sáng; trồng cây xanh; lắp dựng biển báo hiệu đường bộ theo quy chuẩn hiện hành. (2) đối với khu vực 2: thu hồi khoảng 22,23ha diện tích đất vùng phụ cận dọc 2 bên tuyến đường.

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: (1) các hoạt động đã được hoàn thành phục vụ thi công tuyến đường (thu hồi, giải phóng mặt bằng; hoàn trả các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng); (2) hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công; (3) hoạt động giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích 22,23ha đất vùng phụ cận dọc 2 bên tuyến đường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng khoảng 17,183ha đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên trong tổng số 22,23ha đất bổ sung thu hồi dọc 2 bên tuyến đường (theo Văn bản số 490/UBND-KT,HT&ĐT ngày 8/8/2025 của Ủy ban nhân dân phường Phù Liên về việc cung cấp số liệu tham vấn ảnh hưởng của Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Hạng mục công trình

- Xây dựng tuyến đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông dài khoảng 1.486,94m: (1) Đoạn 1: Từ đường Nguyễn Lương Bằng km(0+0,00m) đến km(1+280,85(m)) chiều dài 1.280,85(m), có mặt cắt lộ giới $B_{nền}=15m$: $B_{mặt}=9(m) + B_{hè}=2 \times 3(m)$. (2) Đoạn 2: Từ km(1+280,85(m)) đến đường Trần Nhân Tông km(1+486,94(m)) chiều dài 206,09(m), có mặt cắt lộ giới $B_{nền}=13m$: $B_{mặt}=7(m) + B_{hè}=2 \times 3(m)$.

- Di chuyển điện, trạm biến áp.
- Xây dựng hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: Hệ thống thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng; cây xanh; biển báo hiệu đường bộ theo quy chuẩn hiện hành.
- Thu hồi khoảng 22,23ha diện tích đất vùng phụ cận dọc 2 bên tuyến đường.

2.2. Hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

a) Giai đoạn thi công:

- Đối với khu vực 1: (1) thi công nền đường (đã thi công đạt khoảng 80% khối lượng công việc); (2) thi công hè đường (đã thi công đạt khoảng 50% khối lượng công việc); (3) di chuyển điện, trạm biến áp (đã thi công đạt khoảng 50% khối lượng công việc); (4) thi công hệ thống thoát nước (đã thi công đạt khoảng 70% khối lượng công việc); (5) thi công hệ thống điện chiếu sáng (đã thi công đạt khoảng 30% khối lượng công việc); (6) thi công mặt đường (chưa triển khai); (7) trồng cây xanh (chưa triển khai); (8) lắp dựng biển báo hiệu đường bộ theo quy chuẩn hiện hành (chưa triển khai) làm phát sinh phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Đối với khu vực 2: hoạt động thu hồi khoảng 22,23ha diện tích đất vùng phụ cận dọc 2 bên tuyến đường tác động gồm các hoạt động thu hồi, đền bù, cấm mốc giới giải phóng mặt bằng, bàn giao diện tích đất đã thu hồi cho Ủy ban nhân dân phường Phù Liên quản lý làm phát sinh tác động trực tiếp đến tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thu hồi trong quá trình đền bù. Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha.

b) Giai đoạn vận hành:

- Đối với khu vực 1: (1) hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường làm phát sinh làm phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi và khí thải; (2) hoạt động vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường làm phát sinh bụi, khí thải, bùn thải, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường.

- Đối với khu vực 2: Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha do đó giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá của Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

3.1.1.1. Đối với khu vực 1

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 20 công nhân với lượng thải khoảng $0,54\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, BOD₅, Amoni, Coliform...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận tải ra vào công trường, máy móc thiết bị với tổng thải lượng dự báo khoảng $2,145\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, dầu mỡ khoáng...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

3.1.1.2. Đối với khu vực 2

Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha do đó không phát sinh nước thải trong giai đoạn thu hồi, đền bù, nước thải trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá của Dự án.

3.1.2. Khí thải

3.1.2.1. Đối với khu vực 1

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xếp, tập kết, vận chuyển đất đá thải, chất thải, nguyên vật liệu xây dựng... Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO₂, NO_x, VOCs...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình xây dựng gồm vận hành các máy móc, thiết bị thi công, hàn, trải nhựa đường, sơn vạch kẻ đường... Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSP, NO_x, SO₂, CO, VOCs.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông (sử dụng

nhiên liệu đốt chủ yếu là xăng và dầu Diesel) ra vào khu vực dự án và hoạt động vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, NO_x , SO_2 , CO, VOCs...

3.1.2.2. Đối với khu vực 2

Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha do đó không phát sinh bụi, khí thải trong giai đoạn thu hồi, đền bù; bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá tác động của Dự án.

3.2. *Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

3.2.1. *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường*

3.2.1.1. Đối với khu vực 1

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 20 công nhân với khối lượng khoảng 8,6kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, vỏ kim loại...

- Chất thải rắn xây dựng: (1) hoạt động bóc tách đất hữu cơ bề mặt phát sinh khoảng 10.458 tấn (tương đương 11.035m^3) trong đó 4.416m^3 đã được tận dụng để đắp đất màu trong bồn cây thuộc Dự án công trình vườn hoa phường Nam Sơn, quận Kiến An theo Văn bản số 4676/SXD-QLXD ngày 07/09/2023 của Sở Xây dựng về báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình vườn hoa phường Nam Sơn quận Kiến An, 240m^3 dự kiến tận dụng để trồng cây tại các ô trồng cây của Dự án, khoảng 6.379m^3 đất hữu cơ bóc tách bề mặt còn lại và 2.801 tấn bùn đất phát sinh từ hoạt động đào nền đường đang tạm thời tận dụng để đắp bao hai bên tuyến đường trong giai đoạn thi công; (2) khoảng 1.678 tấn chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, công trình hạ tầng chuẩn bị mặt bằng thi công và 3,465 tấn chất thải rắn xây dựng phát sinh do quá trình hao hụt nguyên vật liệu xây dựng đang được lưu giữ tạm thời tại khu vực có diện tích 3.000 m^2 tại tổ dân phố Hạnh Phúc, phường Bắc Hà, quận Kiến An do Ủy ban nhân dân phường Bắc Hà quản lý (theo Văn bản số 140/UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bắc Hà); (3) hoạt động thi công các hạng mục công trình còn lại của Dự án dự kiến phát sinh khoảng 1,485 tấn chất thải rắn xây dựng do quá trình thất thoát, hao hụt nguyên vật liệu xây dựng và 1,7 tấn bê tông cốt thép cắt bỏ để thi công hố ga và đất, cát, cặn tại bể lắng nước thải thi công và hệ thống thu gom nước mưa.

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xả thải chất thải rắn của phương tiện lưu thông trên tuyến đường, bùn nạo vét hố ga của hệ thống thoát nước mưa, thay thế biển báo hư hỏng, lá cây... làm phát sinh khoảng 15- 22,5 kg/ngày đêm

3.2.1.2. Đối với khu vực 2

Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha do đó không phát sinh chất thải rắn thông thường giai đoạn thu hồi, đền bù; chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá tác động của Dự án.

3.2.2. *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại*

3.2.2.1. Đối với khu vực 1

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động văn phòng tại công trường thi công; hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 181,86kg trong suốt giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu là chất hấp thụ vật liệu lọc (tắm thấm dầu thải), giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì mềm thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại (vỏ đựng sơn); que hàn, đầu mẫu que hàn thải; cặn sơn, sơn thải...

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường làm phát sinh khoảng 2kg/đợt. Thành phần chủ yếu là bóng đèn hỏng, vỏ hộp đựng sơn, giẻ lau dính dầu, cặn sơn.

3.2.2.2. Đối với khu vực 2

Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha do đó không phát sinh chất thải nguy hại trong giai đoạn thu hồi, đền bù; chất thải nguy hại giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá tác động của Dự án.

3.3. *Tiếng ồn, độ rung*

3.3.1. *Đối với khu vực 1*

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công (xe tải, máy đào, máy đầm, máy xúc, máy trộn vữa...) và các hoạt động thi công (khoan, hàn, cắt, đào, đầm làm phát sinh tiếng ồn, rung chấn tiếng ồn, độ rung.

b) Giai đoạn vận hành:

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.3.2. Đối với khu vực 2

Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha do đó không phát sinh tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thu hồi, đền bù; tiếng ồn, rung động phát sinh trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá tác động của Dự án.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Tác động của việc chiếm dụng đất

- Đối với khu vực 1: đã hoàn thành hoạt động thu hồi, đền bù.
- Đối với khu vực 2: Hoạt động thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong đó có 19,336ha đất trồng lúa làm suy giảm diện tích đất trồng lúa 01 vụ, 02 vụ, ảnh hưởng đến sinh kế, công việc của các cá nhân có quyền sử dụng đất bị thu hồi.

3.4.2. Tác động tới hoạt động giao thông

- Đối với khu vực 1: Việc vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu đổ thải làm gia tăng phương tiện lưu thông trên các tuyến đường có thể gây ùn tắc giao thông tại các điểm giao cắt vào giờ cao điểm nhiều phương tiện lưu thông gây ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân; tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông trong trường hợp mật độ giao thông lớn, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu đổ thải không được che chắn phát sinh bụi gây hạn chế tầm nhìn của người tham gia giao thông hoặc phương tiện vận chuyển không được che chắn, đất cát rơi vãi, gặp trời mưa gây trơn trượt; trường hợp phương tiện vận chuyển chở quá tải trọng cho phép ảnh hưởng đến chất lượng tuyến đường vận chuyển.

- Đối với khu vực 2: Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha do đó không phát sinh tác động tới hoạt động giao thông.

3.4.3. Tác động của nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn có khả năng ô nhiễm tập trung trên phần diện tích đang thi công xây dựng tại khu vực 1 với lưu lượng khoảng 0,11m³/s. Thông số ô nhiễm chủ yếu là TSS, dầu mỡ khoáng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1. Đối với khu vực 1

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh di động dạng module nguyên khối bằng vật liệu composite, dung tích bể chứa nước thải $2\text{m}^3/\text{nghà vệ sinh}$; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo quy định, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Nước thải xây dựng: bố trí 02 khu vực rửa xe tại gần cổng công trường ở mặt đường giao với đường Trần Nhân Tông và đường Nguyễn Lương Bằng, xung quanh đào rãnh để thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công, phương tiện vận chuyển về hồ lắng nước thải tạm thời (dung tích khoảng $3\text{m}^3/\text{hồ}$) gồm 3 ngăn (ngăn thứ 1 thu gom, lọc rác và mỡ có kích thước lớn, ngăn thứ 2 tách dầu, ngăn thứ 3 lắng cặn) được đầm chặt, lót đáy bằng vải địa kỹ thuật để chống thấm, chống xói, trước cửa thu vào hồ lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để tách rác và trái thấm dầu để tách váng dầu trên bề mặt, trước cửa thu vào hồ lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vải hút dầu để tách váng dầu trên bề mặt. Nước sau khi lắng và tách dầu được tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành: Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải trong hầm tự hoại của các nhà vệ sinh di động và xử lý theo quy định, không xả nước thải sinh hoạt trực tiếp ra môi trường. Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, xử lý đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường và quy định pháp luật có liên quan trước khi tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển.

4.1.1.2. Đối với khu vực 2

Không phát sinh nước thải trong giai đoạn thu hồi, đền bù, nước thải trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá của Dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Đối với khu vực 1

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng Dự án thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng phương tiện được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải, không để rơi rớt vật liệu; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết và phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; lắp đặt các cầu rửa vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công và phương tiện vận chuyển tại mỗi công trường thi công, đảm bảo tất cả các phương tiện vận chuyển được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

b) Giai đoạn vận hành:

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện vệ sinh đường giao thông; chăm sóc cây xanh dọc 2 bên tuyến đường để giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ Dự án

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.1.2.2. Đối với khu vực 2

Không phát sinh bụi, khí thải trong giai đoạn thu hồi, đền bù; bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá của Dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Đối với khu vực 1

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với chất thải sinh hoạt: bố trí các thùng rác có nắp đậy màu sắc khác nhau đảm bảo theo quy định về phân loại chất thải tại nguồn để thu gom chất thải; chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: (1) khoảng 6.379m³ đất hữu cơ bóc tách bề mặt và 2.801 tấn bùn đất phát sinh từ hoạt động đào nền đường sau khi tận dụng để đắp bao hai bên tuyến đường trong giai đoạn thi công; (2) khoảng 1.678 tấn chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, công trình hạ tầng chuẩn bị mặt bằng thi công và 3,465 tấn chất thải rắn xây dựng phát sinh do quá trình hao hụt nguyên vật liệu xây dựng sau khi lưu giữ tạm thời tại khu vực có diện tích 3.000 m² tại tổ dân phố Hạnh Phúc, phường Bắc Hà, quận Kiến An do Ủy ban nhân dân phường Bắc Hà quản lý (theo Văn bản số 140/UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bắc Hà) và (3) khoảng 1,485 tấn chất thải rắn xây dựng do quá trình thất thoát, hao hụt nguyên vật liệu xây dựng và 1,7 tấn bê tông cốt thép cắt bỏ để thi công hồ ga và đất, cát, cặn tại bể lắng nước thải thi công và hệ thống thu gom nước mưa tiếp tục phát sinh trong giai đoạn thi công còn lại của Dự án được phân loại, lưu giữ, vận chuyển/chuyển giao đến địa điểm đổ thải/xử lý sau khi đạt được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý, sử dụng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Việc vận chuyển chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi gây ô nhiễm môi trường.

b) Giai đoạn vận hành:

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện vệ sinh đường giao thông; thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải rắn của phương tiện lưu thông trên tuyến đường, bùn nạo vét hồ ga của hệ thống thoát nước mưa, thay thế biển báo hư hỏng, lá cây... cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: phân loại tại nguồn và quản lý, chuyển giao chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các quy định khác có liên quan.

4.2.1.2. Đối với khu vực 2

Không phát sinh chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thu hồi, đền bù; chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá của Dự án.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Đối với khu vực 1

a) Giai đoạn thi công xây dựng: phân loại, thu gom và lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh bằng 04 thùng chứa riêng biệt, lưu giữ tại 01 container 20 feet đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành: Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2.2. Đối với khu vực 2

Không phát sinh chất thải nguy hại trong giai đoạn thu hồi, đền bù; chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá của Dự án.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Đối với khu vực 1

4.3.1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí thời gian làm việc hợp lý; không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm nhằm tránh cộng hưởng từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn; hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào

giờ nghỉ; sử dụng các phương tiện vận chuyển đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị thi công.

4.3.1.2 Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

Quy định tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường của Dự án. Có các biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án. Bố trí cây xanh dọc 2 bên tuyến đường để giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ Dự án

Yêu cầu về môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

4.3.2. Đối với khu vực 2

Không phát sinh tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thu hồi, đền bù; tiếng ồn, rung động phát sinh trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá của Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

- Đối với khu vực 1: đã hoàn thành hoạt động thu hồi, đền bù.
- Đối với khu vực 2: phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoàn thành công tác thu hồi đối với phần diện tích 22,23ha theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đền bù đất và cây trồng trên đất theo đơn giá tại thời điểm kiểm đếm chi tiết, đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Đối với khu vực 1: Phối hợp với địa phương, thông báo với người dân về thời gian thi công; tại tuyến đường dẫn vào công trường thi công: duy trì biển báo và đèn hiệu nhằm thông báo cho các phương tiện lưu thông trên đường biết khu vực “Công trường đang thi công”; tiếp tục thực hiện việc phân luồng, phân tuyến giao thông cho các phương tiện chờ kiểm tra, phương tiện vào và ra khu vực công trường của dự án; lập kế hoạch vận chuyển phù hợp với thực trạng giao thông của khu vực, điều phối lưu lượng xe hợp lý (tránh các giờ cao điểm, các giờ tan ca, nghỉ ngơi, tan học)...
- Đối với khu vực 2: Không phát sinh tác động tới hoạt động giao thông.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn có khả năng ô nhiễm tập trung trên phần diện tích đang thi công xây dựng tại khu vực 1

a) Giai đoạn thi công: Thi công hệ thống rãnh thoát nước mưa trong giai đoạn thi công theo quy hoạch đường cống thoát nước mưa chung của dự án trong giai đoạn vận hành, cuối đường rãnh thoát nước mưa sẽ bố trí hố thu lắng cặn, đất cát trước khi thoát nước mưa ra ngoài công trường. Che chắn các khu tập kết nguyên vật liệu xây dựng; thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, cống thu gom, nạo vét, khơi thông dòng chảy.

b) Giai đoạn vận hành: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa sử dụng hệ thống cống thoát nước D800, D1000, D1200, D1500 thoát nước dọc tuyến; cống D400 thoát nước ngang đường, đảm bảo thu gom, tiêu thoát nước cho khu vực, tránh ngập úng.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường. Thực hiện các biện pháp quản lý, vận hành các công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực Dự án và khu vực xung quanh, không gây úng ngập trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án.

4.4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

4.4.4.1. Đối với khu vực 1

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tuyển chọn đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công có đủ năng lực để thực hiện các gói thầu đảm bảo công trình được thực hiện đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành:

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

4.4.4.2. Đối với khu vực 2

Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án không có hoạt động di dời, giải phóng mặt bằng, san lấp, đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trên phần diện tích thu hồi khoảng 22,23ha do đó không phát sinh sự cố môi trường từ hoạt động thu hồi, đền bù; sự cố môi trường phát sinh trong giai đoạn vận hành không thuộc phạm vi đánh giá của Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Đối với khu vực 1

5.1.1.1. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.1.2. *Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:*

- Vị trí giám sát: 03 vị trí, cụ thể: tại 03 khu vực dân cư đoạn đầu tuyến, giữa tuyến và cuối tuyến bị tác động bởi hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án - Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công Dự án.

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn (dBA), độ rung (dB), SO₂, NO₂, CO.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

5.1.1.3. *Giám sát khác*

- Thực hiện giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đồ thải, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển đồ thải.

- Thực hiện giám sát khả năng thoát tiêu thoát nước, nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn, bảo đảm không gây ngập úng.

5.2. *Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành*

5.2.1 *Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại*

- Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5.2.2. *Chương trình giám sát nước thải, khí thải*

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải/bụi, khí thải tự động, liên tục.

- Không thuộc đối tượng phải nước thải/bụi, khí thải định kỳ.

6. **Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình Dự án.

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới thi công trong khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công dự án.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác có liên quan; chỉ được phép đổ thải các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, ngập úng do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình phá dỡ, thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm trong trường hợp xảy ra sự cố rủi ro môi trường xảy ra sự cố rủi ro, tai biến địa chất, sụt lún, sạt lở do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.
